

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
					thời gian cắt điện ĐD 220 kV Dốc Sỏi - Dung Quất.
30	TBKHH Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	3	Cấp điện cho TBA 220 kV Dung Quất 2
31	TBKHH Dung Quất - Rẽ Dốc Sỏi - Dung Quất	4	x	3	Đầu nối SPP 220 kV TBKHH Dung Quất
32	Treo dây mạch 2 Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	2	x	59	Treo dây mạch 2, xem xét sử dụng dây siêu nhiệt cho cả hai mạch trong trường hợp phát triển nguồn NLTT và TĐN khu vực (ĐG Kon Plong, cụm TĐ Đắk Re, cụm TĐ Nước Long)
33	Cụm TĐ Nước Long - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2	x	4	Xây mới, giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/1/2021
34	Nâng khả năng tải Pleiku 2 - Phước An	1	x	151	Xây mới mạch 2 hoặc thay dây siêu nhiệt
35	Phước An - Nhơn Hội	2	x	15	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Nhơn Hội
36	Bình Định 500 kV - Rẽ Phước An - Phù Mỹ	4	x	5	Xây mới, đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Định
37	Bình Định 500 kV - Rẽ An Khê - Quy Nhơn và Pleiku 2 - Phước An	4	x	35	Xây mới, đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Định
38	Phù Mỹ - Rẽ Phước An - Quảng Ngãi (mạch 2)	2	x	2	Xây mới, đầu nối chuyển tiếp thêm 01 mạch, tăng khả năng giải tỏa công suất nguồn điện từ TBA 220 kV Phù Mỹ; hiện nay mới chuyển tiếp trên 01 mạch
39	Bờ Y - Kon Tum	2	x	28	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Bờ Y
40	TĐ Đắk Mi 1 - TĐ Đắk My 2	1	x	15	Xây mới, đồng bộ TĐ Đắk Mi 1
41	Nam Kong 3 - Trạm cắt 220 kV Bờ Y	2	x	76	Xây mới, đồng bộ TĐ Nậm Kong 1,2,3 (Lào)
42	Trạm cắt 220 kV Bờ Y - Rẽ Xekaman 1 - Pleiku 2	4	x	2	Xây mới, đầu nối trạm cắt Bờ Y, đồng bộ TĐ Nậm Kong 1,2,3 Lào
43	ĐG Kon Plong - Rẽ TĐ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2	x	19	Xây mới, đồng bộ ĐG Kon Plong, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
44	TĐ Đắk Lô 3 - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	4	x	1	Xây mới, giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/1/2021
45	Nâng khả năng tải Kon Tum - Pleiku (*)	2	x	36	Cải tạo, nâng khả năng tải
46	Nâng khả năng tải Pleiku - ĐSK An Khê - TĐ An Khê	1	x	98	Cải tạo, nâng khả năng tải
47	Chư Sê - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk	4	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Chư Sê, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
48	Mạch 2 Pleiku 2 - Krông Buk	1	x	141	Xây mới, cải tạo một mạch thành hai mạch
49	Krông Pa - Chư Sê	2	x	63	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Krông Pa
50	ĐG Nhơn Hòa 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2	4	x	4	Xây mới, đầu nối ĐG Nhơn Hòa 1, 2; phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày

TT	Tên đường dây	Số mạch x km	Ghi chú
			15/07/2020. Sau khi TBA 500kV Nhơn Hòa vào vận hành ĐG Nhơn Hòa 1,2 sẽ chuyển đầu nối về TBA 500 kV Nhơn Hòa, bỏ đầu nối trên cả 02 mạch và hoàn trả lại hiện trạng đường dây 220kV Krông Buk - Pleiku 2 theo Văn bản số 323/TTg-CN ngày 17/3/2021 của Thủ tướng và Văn bản số 1301/BCT-ĐL ngày 11/3/2021 của Bộ Công Thương.
51	ĐG Ia Pét Đắc Đoa - Pleiku 3	2 x 23	Xây mới, đồng bộ ĐG Ia Pét - Đắc Đoa, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
52	ĐG Ia Le 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2	2 x 6	Xây mới, đồng bộ ĐG Ia Le 1, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
53	ĐG Ia Boong - Chư Prông - ĐG Nhơn Hòa 1	1 x 8	Xây mới, đồng bộ NMĐG Ia Boong - Chư Prông đã được. Vị trí và phương án đầu nối điều chỉnh của NMĐG Ia Boong - Chư Prông được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4776/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số 6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số 835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
54	ĐG Hưng Hải Gia Lai - Rẽ Pleiku 2 - TĐ An Khê	2 x 14	Xây mới, đồng bộ ĐG Hưng Hải Gia Lai, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
55	ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - TĐ An Khê	2 x 25	Xây mới, đồng bộ ĐG Yang Trung, thay cho đường dây 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020. Trường hợp ĐG Yang Trung vào trước ĐG Hưng Hải Gia Lai, cần đầu tư đồng bộ đường dây 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê. ĐG Hưng Hải Gia Lai sẽ đầu nối chuyển tiếp trên hai mạch ĐD 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê.
56	An Khê - Rẽ Pleiku 2 - Phước An	2 x 1	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV An Khê
57	Krông Ana - Rẽ Krông Buk - Buôn Kuốp	2 x 22	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Krông Ana
58	Krông Buk 500 kV - Krong Buk	2 x 27	Xây mới, đầu nối về trạm 220 kV Krong Buk, đường dây phân pha
59	Mạch 2 Krông Buk - Nha Trang	1 x 151	Xây mới, cải tạo một mạch thành hai mạch
60	ĐG Krông Buk - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2	2 x 2	Xây mới, đồng bộ ĐG Krông Buk 1,2, điện gió Cư Né 1,2, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
61	Nâng khả năng tải TĐ Srepok 3 - Buôn Kuop	1	x	28	Cải tạo, nâng khả năng tải, giải tỏa công suất nguồn điện
62	TĐ Sông Ba Hạ - Krong Buk 500 kV	2	x	113	Xây mới, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
63	Nâng khả năng tải Buôn Kuop - Buôn Tua Shra - Đắk Nông 500 kV	1	x	112	Cải tạo, nâng khả năng tải, giải tỏa công suất nguồn điện
64	ĐG Đắk Hòa - Rẽ Buôn Kuop - Đắk Nông 500 kV	2	x	2	Xây mới, đấu nối ĐG Đắk Hòa, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
65	ĐG Đắk ND'rung 1,2,3 - Đắk Nông 500 kV	2	x	18	Xây mới, đồng bộ ĐG Đắk ND'rung 1,2,3, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
66	Điện Phân Nhôm - Rẽ Bình Long - 500 kV Đắk Nông	4	x	3	Treo dây, đồng bộ với phụ tải
67	Điện Phân Nhôm - Rẽ Buôn Kuốp - 500 kV Đắk Nông	2	x	6	Treo dây, đồng bộ với phụ tải
68	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Vân Phong - Nha Trang	2	x	118	Cải tạo, nâng khả năng tải, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
69	Tuy Hòa - Phước An	2	x	95	Xây mới, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
70	HBRE An Thọ - Tuy Hòa (*)	1	x	16	Cải tạo, nâng khả năng tải, đồng bộ ĐG An Thọ
71	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Quy Nhơn	1	x	93	Cải tạo, nâng khả năng tải, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
72	Đấu nối TBA 220 kV Sông Cầu	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Sông Cầu, GĐ1: Đấu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Tuy Hòa - Quy Nhơn hiện hữu. GĐ2: Chuyển về đấu nối chuyển tiếp trên 02 mạch ĐD 220 kV Tuy Hòa - Phước An sau khi đường dây này vào vận hành
73	Nha Trang - Tháp Chàm	2	x	89	Xây mới
74	Cam Ranh - Rẽ Nha Trang - Tháp Chàm	4	x	1	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Cam Ranh
75	Vạn Ninh - Rẽ Vân Phong - Tuy Hòa	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Vạn Ninh
76	500 kV Vân Phong - Rẽ Tuy Hòa - Vân Phong 220 kV (mạch 1)	2	x	26	Xây mới, đấu nối phía 220 kV TBA 500 kV Vân Phong
77	500 kV Vân Phong - Rẽ Tuy Hòa - Vân Phong 220 kV (mạch 2)	2	x	26	Xây mới, đấu nối phía 220 kV TBA 500 kV Vân Phong
78	Lệ Thủy - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà	4	x	2	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực, nối cấp TBA 500 kV Quảng Bình
79	Nâng khả năng tải Đồng Hới - Đồng Hà	2	x	108	Cải tạo, nâng khả năng tải, trường hợp điện gió Quảng Trị phát triển cao
80	TBKHH Quảng Trị - Rẽ Đông Nam - 500 kV Quảng Trị	2	x	5	Xây mới, đồng bộ TBKHH Quảng Trị
81	500 kV Quảng Trị - Đông Nam	2	x	27	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Đông Nam

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
82	Hương Thủy - Rẽ Huế - Hòa Khánh	4	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Hương Thủy
83	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	2	x	82	Cải tạo, nâng khả năng tải
84	Nâng khả năng tải Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	2	x	100	Cải tạo, nâng khả năng tải
85	Tiên Sa - Rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	4	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Tiên Sa
86	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	2	x	5	Xây mới, đường dây cáp ngầm đầu nối TBA 220 kV Sân bay Đà Nẵng
87	Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	3	Đảm bảo N-1
88	Điện Bàn - Nam Hội An	2	x	24	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Nam Hội An
89	Đà Nẵng 500 kV - Điện Bàn	2	x	12	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Điện Bàn
90	Quảng Ngãi 2 - Rẽ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	4	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Quảng Ngãi 2
91	Phù Mỹ 2 - Phù Mỹ	2	x	20	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
92	Nam Phú Yên - Rẽ Nha Trang - Tuy Hòa	4	x	4	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Nam Phú Yên
93	Vân Phong 500 kV - Vân Phong 220 kV	2	x	20	Xây mới
94	Cam Thịnh - Rẽ Cam Ranh - Tháp Chàm	4	x	3	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Cam Thịnh
95	Trạm cắt 220 kV Bờ Y - Bờ Y	2	x	30	Xây mới
96	Thượng Kon Tum - Kon Tum	2	x	83	Xây mới, giải phóng công suất thủy điện và điện gió, tăng cường liên kết
97	Ea Kar - Rẽ Krông Buk - Nha Trang	4	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Ea Kar
98	Gia Lai 1 - Pleiku 3	2	x	20	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
99	Đắk Nông 2 - Rẽ Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah	2	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Đắk Nông 2
100	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới	550			Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

Bảng 16: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới và cải tạo miền Nam đưa vào vận hành giai đoạn 2021 - 2030

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
1	Ninh Sơn	1.800	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực.
2	Sơn Mỹ	900	Xây mới, MBA liên lạc trong TTĐL Sơn Mỹ, đồng bộ với NMNĐ Sơn Mỹ II
3	Hồng Phong (*)	900	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
4	Nam Trung Bộ 1 (*)	1.800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
5	Nam Trung Bộ 2 (*)	1.800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
6	Củ Chi	1.800	Xây mới
7	Tây Ninh 1	1.800	Xây mới
8	Tây Ninh 2	900	Xây mới
9	Bình Dương 1	1.800	Xây mới
10	Long Thành	1.800	Xây mới
11	Đồng Nai 2	1.800	Xây mới
12	Bắc Châu Đức	1.800	Xây mới
13	Long An	1.800	Xây mới
14	Tiền Giang	900	Xây mới
15	Thốt Nốt	1.800	Xây mới
16	Long Phú	1.500	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
17	Bạc Liêu (*)	1.800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
18	Di Linh	1.800	Cải tạo, giải tỏa nguồn điện khu vực
19	Thuận Nam	2.700	Cải tạo, giải tỏa nguồn điện khu vực
20	Nhà Bè	1.800	Cải tạo
21	Cầu Bông	2.700	Cải tạo
22	Chơn Thành	1.800	Cải tạo
23	Tân Uyên	2.700	Cải tạo
24	Tân Định	2.700	Cải tạo
25	Sông Mỹ	2.700	Cải tạo
26	Phú Mỹ	900	Cải tạo
27	Đức Hòa	1.800	Cải tạo
28	Ô Môn	1.800	Cải tạo
29	Duyên Hải	900	Cải tạo, giải tỏa nguồn điện khu vực
30	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	2.100	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
	Thiết kế sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái cho sân phân phối 500 kV LNG Cà Ná		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

Bảng 17: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Nam đưa vào vận hành giai đoạn 2021 - 2030

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
1	Ninh Sơn - Rẽ NMNĐ Vân Phong I - Thuận Nam	4	x	18	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
2	Ninh Sơn - Chơn Thành	2	x	275	Xây mới, giải tỏa công suất nguồn điện. Thay thế ĐD 500 kV Thuận Nam - Chơn Thành đã được phê duyệt tại Văn bản số 1891/TTg-CN ngày 27/12/2018 để thuận lợi trong đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành.
3	Cù Chi - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	2	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Cù Chi
4	Tây Ninh 1 - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1
5	Bình Dương 1 - Rẽ Sông Mây - Tân Định	2	x	35	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
6	Bình Dương 1 - Chơn Thành	2	x	17	Xây mới, tạo mạch vòng, nâng cao độ tin cậy cấp điện khu vực Đông Nam Bộ
7	Long Thành - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mây	2	x	17	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long Thành
8	Đồng Nai 2 - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây	4	x	5	Xây mới, chuyển tiếp trên mạch 3,4 ĐD 500 kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên
9	NMĐ Nhơn Trạch 4 - Rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	2	x	4	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 4; kiến nghị lựa chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với tiết diện ĐD 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè sau cải tạo nâng khả năng tải
10	Bắc Châu Đức - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mây và Phú Mỹ - Long Thành	4	x	11	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bắc Châu Đức
11	Sông Hậu - Đức Hòa (giai đoạn 2)	2	x	97	Xây mới, đồng bộ ND Sông Hậu I; Giai đoạn 1 đã hoàn thành năm 2020
12	Đức Hòa - Chơn Thành	2	x	104	Xây mới, chuyển đấu nối Mỹ Tho - Chơn Thành
13	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Cầu Bông (mạch 2)	2	x	13	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 500 kV Phú Lâm - Cầu Bông
14	Long An - Rẽ Nhà Bè - Mỹ Tho	2	x	1	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long An
15	Ô Môn - Thốt Nốt	2	x	35	Xây mới, tăng cường lưới truyền tải khu vực Tây Nam Bộ; giải tỏa công suất TTĐL Ô Môn
16	LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	130	Xây mới, đồng bộ LNG Bạc Liêu
17	TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn	2	x	25	Xây mới, đồng bộ TĐTN Bắc Ái, thay cho ĐD 500 kV TĐTN Bắc Ái - Rẽ Vân Phong - Thuận Nam
18	Đấu nối TĐTN Nam Trung Bộ		30		Xây mới, đồng bộ TĐTN Nam Trung Bộ
19	LNG Cà Ná - Thuận Nam	2	x	30	Xây mới, đồng bộ LNG Cà Ná. Kiến nghị thiết kế sân phân phối 500 kV LNG Cà Ná với sơ đồ vận hành linh hoạt, có phân đoạn thanh cái

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
20	LNG Cà Ná - Bình Dương 1	2	x	280	Xây mới, đồng bộ LNG Cà Ná; giải tỏa công suất LNG Cà Ná và nguồn điện khu vực
21	Hồng Phong - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mỹ (*)	4	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
22	Sơn Mỹ - Bắc Châu Đức	2	x	80	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Sơn Mỹ II
23	Nam Trung Bộ 1 - Thuận Nam (*)	2	x	20	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
24	Nam Trung Bộ 2 - Thuận Nam (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
25	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mỹ	1	x	58	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ TTĐL Sơn Mỹ
26	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Long Thành - Sông Mỹ	1	x	92	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ TTĐL Sơn Mỹ
27	Long Thành - Rẽ Bắc Châu Đức - Sông Mỹ	2	x	17	Xây mới, tăng cường truyền tải nguồn điện khu vực. Kiến nghị lựa chọn tiết diện phù hợp với ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mỹ sau cải tạo nâng khả năng tải
28	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè và Phú Mỹ - NMĐ Nhơn Trạch 4 - Nhà Bè	2	x	43	Cải tạo nâng khả năng tải, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
29	Tây Ninh 2 - Rẽ Chơn Thành - Tây Ninh 1	4	x	30	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV Tây Ninh 2
30	Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Tiền Giang
31	Thốt Nốt - Đức Hòa	2	x	135	Xây mới, đồng bộ tổ máy số 2 của LNG Bạc Liêu; xem xét phương án cải tạo lắp thêm các máy cắt phân đoạn thanh cái tại sân phân phối 500 kV Đức Hòa và vận hành tách thanh cái theo hướng truyền tải trực tiếp công suất từ Thốt Nốt đi Cầu Bông; hoặc xây dựng ĐD 500 kV Thốt Nốt - Đức Hòa chuyển đấu nối đi Cầu Bông để hạn chế dòng ngắn mạch
32	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Đức Hòa - Cầu Bông	2	x	24	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ tổ máy số 2 của LNG Bạc Liêu, giải tỏa LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ
33	TBA 500 kV Bạc Liêu - Rẽ LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	20	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bạc Liêu
34	NMNĐ Vĩnh Tân III - Vĩnh Tân	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Vĩnh Tân III
35	NMNĐ Sông Hậu II - Sông Hậu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Sông Hậu II
36	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			440	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

Bảng 18: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Nam đưa vào vận hành giai đoạn 2021 - 2030

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
1	Tà Năng (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
2	Trạm cắt Đa Nhím	Trạm cắt	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực, do trạm 220 kV TĐ Đa Nhím không mở rộng được ngăn lộ 220 kV
3	Cà Ná	500	Xây mới
4	Đông Quán Thê	480	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
5	Hàm Thuận Nam	500	Xây mới
6	Vĩnh Hảo (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
7	Hòa Thắng (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
8	Hồng Phong (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
9	Hàm Cường (*)	250	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
10	Phong điện 1 Bình Thuận (*)	250	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
11	Tân Cảng	500	Xây mới
12	Tân Sơn Nhất	500	Xây mới
13	Đầm Sen	500	Xây mới
14	Thủ Thiêm	500	Xây mới
15	Bình Chánh 1	500	Xây mới
16	Bà Quẹo (Vĩnh Lộc)	500	Xây mới
17	Quận 7	500	Xây mới
18	Nam Hiệp Phước	500	Xây mới
19	Quận 9	500	Xây mới
20	Tây Bắc Củ Chi	250	Xây mới
21	Phú Hòa Đông	250	Xây mới
22	Bình Chánh 2	250	Xây mới
23	Phước Long	500	Xây mới
24	Đồng Bình Phước (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
25	Đồng Xoài	250	Xây mới
26	Tân Biên	500	Xây mới
27	Phước Đông	500	Xây mới
28	Bến Cầu	250	Xây mới
29	Tây Ninh 3	250	Xây mới
30	Tân Châu 1 (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
31	Bến Cát 2	500	Xây mới

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
32	Tân Định 2	500	Xây mới
33	An Thạnh (VSIP)	500	Xây mới
34	Bình Mỹ	500	Xây mới
35	Bắc Tân Uyên	500	Xây mới
36	Lai Uyên	500	Xây mới
37	An Phước	500	Xây mới
38	Tam Phước	500	Xây mới
39	Thống Nhất	500	Xây mới
40	KCN Nhơn Trạch	500	Xây mới
41	Định Quán	500	Xây mới
42	Long Khánh	500	Xây mới
43	Hố Nai	500	Xây mới
44	Dầu Giây	500	Xây mới
45	Biên Hòa	500	Xây mới
46	Đồng Nai 3 (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
47	KCN Phú Mỹ 3	500	Xây mới
48	Phước Thuận (Đất Đỏ)	500	Xây mới
49	Long Sơn	250	Xây mới
50	Hòa Bình (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
51	TP Phú Mỹ	250	Xây mới
52	Bến Lức	500	Xây mới
53	Đức Hòa 2	500	Xây mới
54	Đức Hòa 500 kV nối cấp	500	Xây mới
55	Đức Hòa 3	500	Xây mới
56	Tân Lập	250	Xây mới
57	Cần Giuộc	250	Xây mới
58	Lấp Vò	250	Xây mới
59	Hồng Ngự	250	Xây mới
60	Chợ Mới	250	Xây mới
61	Châu Thành (An Giang)	250	Xây mới
62	Tân Phước (Cái Bè)	500	Xây mới, tên khác của trạm 220 kV Cái Bè trong QHĐ VII Điều chỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
63	Gò Công	500	Xây mới
64	Vĩnh Long 3	500	Xây mới
65	Bình Đại (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
66	Thạnh Phú (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
67	An Biên (Vĩnh Thuận)	500	Xây mới, tên khác của trạm 220 kV Vĩnh Thuận trong QHĐ VII điều chỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
68	Phú Quốc	500	Xây mới
69	Duyên Hải	250	Xây mới
70	Trà Vinh 3 (*)	450	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
71	Cà Mau 3 (*)	450	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
72	Vĩnh Châu (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
73	Trần Đề (*)	500	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
74	Bạc Liêu 3 (*)	750	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
75	Bạc Liêu 4 (*)	750	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
76	Năm Căn	500	Xây mới
77	Đức Trọng	500	Cải tạo
78	Bảo Lộc	500	Cải tạo
79	TĐ Đa Nhim	375	Cải tạo
80	Phước Thái (*)	625	Cải tạo, giải tỏa nguồn điện khu vực
81	TĐ Hàm Thuận	125	Cải tạo
82	TĐ Đại Ninh	250	Cải tạo
83	Nhà Bè	750	Cải tạo
84	Bình Tân	750	Cải tạo
85	Chơn Thành 500 kV nối cấp	500	Cải tạo
86	Tây Ninh 2	500	Cải tạo
87	Tân Định	750	Cải tạo
88	TĐ Trị An	500	Cải tạo
89	Châu Đức	500	Cải tạo
90	Bà Rịa	250	Cải tạo
91	Cần Đước	500	Cải tạo
92	Sa Đéc	500	Cải tạo
93	Long Xuyên	500	Cải tạo
94	Mỹ Tho	500	Cải tạo
95	Cai Lậy	500	Cải tạo
96	Mỏ Cày	500	Cải tạo
97	Cần Thơ	500	Cải tạo
98	Ô Môn	500	Cải tạo
99	Thốt Nốt	375	Cải tạo
100	Trà Nóc	500	Cải tạo

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
101	Châu Thành (Hậu Giang)	500	Cải tạo
102	Trà Vinh	500	Cải tạo
103	Giá Rai	250	Cải tạo
104	Bạc Liêu	375	Cải tạo
105	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	2.125	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
	Thiết kế sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn cho các sân phân phối 220 kV TBA 500 kV Long Thành, Chơn Thành, Ninh Sơn, Đồng Nai 2, Thốt Nốt, TBA 220 kV Bà Quẹo, Tân Cảng, Nam Hiệp Phước, Tam Phước, Tân Định 2, KCN Phú Mỹ 3, TP Phú Mỹ, Bình Mỹ, Bình Chánh 2, Phú Hòa Đông, An Phước, Bình Mỹ		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch tại các thanh cái 220 kV TBA 500 kV Vĩnh Tân, Bắc Châu Đức, TBA 220 kV Bà Quẹo (kháng đường dây 220kV Bà Quẹo - Đầm Sen)		Hạn chế dòng ngắn mạch
	Cải tạo sơ đồ thanh cái 220 kV linh hoạt, phân đoạn thanh cái tại các TBA 500 kV Đức Hòa, Ô Môn, TBA 220 kV Ninh Phước, Long Thành, Cù Chi		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

Bảng 19: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Nam đưa vào vận hành giai đoạn 2021 - 2030

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
1	Mạch 2 Bảo Lộc - Sông Mỹ	2	x	118	Cải tạo mạch 1, xây dựng mạch 2, nâng cao độ tin cậy
2	Trạm cắt 220 kV Đa Nhím - Rẽ Tháp Chàm - Đa Nhím	2	x	1	Xây mới, đồng bộ trạm cắt 220 kV Đa Nhím

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
3	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh	2	x	85	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực; thay thế cho công trình cải tạo ĐD 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh từ 01 mạch lên 02 mạch do khó khăn cắt điện thi công ĐD hiện hữu và không mở rộng được TBA 220 kV TĐ Đa Nhim
4	TĐ Đồng Nai 2 - Rẽ Đức Trọng - Di Linh và chuyển đầu nối (Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 thay cho Đức Trọng - Di Linh), cải tạo nâng khả năng tải ĐD 220 kV TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh	1	x	15	Xây mới và cải tạo, hình thành ĐD 220 kV mạch đơn Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh thay cho ĐD 220 kV mạch kép TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh
5	Đức Trọng - Rẽ trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Di Linh	2	x	1	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
6	Nha Trang - Tháp Chàm	2	x	88	Xây mới
7	500 kV Ninh Sơn - Rẽ Tháp Chàm - Ninh Phước	4	x	22	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
8	500 kV Ninh Sơn - Ninh Phước	2	x	35	Xây mới, thay thế cho ĐD 220 kV Ninh Phước - Vĩnh Tân do khó khăn về hướng tuyến
9	500 kV Ninh Sơn - Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	18	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
10	Tháp Chàm - trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	46	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
11	500 kV Vĩnh Tân - Cà Ná	2	x	14	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Cà Ná
12	Ninh Phước - 500 kV Thuận Nam	2	x	25	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
13	Hàm Tân - Rẽ Phan Thiết - Châu Đức (mạch 2)	2	x	6	Đầu nối trạm 220 kV Hàm Tân chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phan Thiết - Tân Thành
14	Hàm Thuận Nam - Rẽ Phan Thiết - Hàm Tân	4	x	4	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Hàm Thuận Nam
15	Vĩnh Hảo - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Rí	2	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Vĩnh Hảo
16	Hòa Thắng - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	7	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Hòa Thắng
17	Nâng khả năng tải Hàm Thuận - Đa Mỹ - Xuân Lộc	2	x	95	Cải tạo nâng khả năng tải
18	Nâng khả năng tải Phan Thiết - Hàm Thuận	1	x	55	Cải tạo nâng khả năng tải
19	Cát Lái - Tân Cảng	2	x	15	Xây mới
20	Bình Chánh 1 - Cầu Bông	2	x	13	Xây mới
21	Thuận An - Tân Sơn Nhất	2	x	15	Xây mới
22	Tân Sơn Nhất - Rẽ Hóc Môn - Thủ Đức	2	x	9	Xây mới
23	Phú Lâm - Đầm Sen	2	x	6	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
24	Đầm Sen - Bà Quẹo - Tân Sơn Nhất	2	x	10	Xây mới
25	500 kV Long Thành - Công Nghệ Cao	2	x	25	Xây mới
26	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Trảng Bàng	4	x	1	Xây mới, chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - Trảng Bàng và Củ Chi 500 kV - Tân Định
27	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Tân Định	2	x	1	Xây mới, chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - 220 kV Củ Chi
28	Thủ Thiêm - Rẽ Cát Lái - Tân Cảng	4	x	1	Xây mới
29	Tao Đàn - Tân Cảng	2	x	7	Xây mới
30	Quận 7 - Nhà Bè và mở rộng ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè	2	x	6	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Quận 7, trường hợp không mở rộng được ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè, xem xét đầu nối Quận 7 - Rẽ Nhơn Trạch 1&2 - Nhà Bè (2x7km), sử dụng tiết diện lớn
31	Quận 9 - Rẽ Long Thành - Công nghệ cao	4	x	5	Xây mới
32	LNG Hiệp Phước giai đoạn I - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước	4	x	3	Xây mới, đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
33	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Cần Đước	2	x	57	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
34	Nam Hiệp Phước - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước	4	x	2	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Nam Hiệp Phước. Kiến nghị chọn tiết diện phù hợp với ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đước sau cải tạo
35	Nâng khả năng tải Thủ Đức - Tân Uyên - Long Bình	2	x	44	Cải tạo nâng khả năng tải, xem xét phù hợp khả năng tải của đoạn cáp ngầm hiện hữu
36	Nâng khả năng tải Bình Long - Chơn Thành	2	x	32	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
37	Phước Long - Rẽ Bình Long - Đắc Nông	2	x	5	Xây mới
38	Định Quán - Rẽ Bảo Lộc - Sông Mây	4	x	1	Xây mới
39	Tân Biên - Tây Ninh	2	x	25	Xây mới
40	500 kV Tây Ninh 1 - Rẽ Tây Ninh 2 - Trảng Bàng	4	x	8	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1
41	500 kV Tây Ninh 1 - Phước Đông	2	x	8	Xây mới
42	Chơn Thành - Bến Cát	2	x	28	Xây mới
43	Bến Cát 2 - Rẽ Tân Định - Củ Chi	4	x	1	Xây mới
44	Bến Cát 2 - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	2	x	20	Xây mới và đầu nối chuyển tiếp vào 01 mạch ĐD 220 kV Chơn Thành - Bến Cát
45	Tân Định 2 - Rẽ Mỹ Phước - Bến Cát	4	x	11	Xây mới
46	500 kV Bình Dương 1 - Rẽ Uyên Hưng - Sông Mây	4	x	40	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Bình Dương 1

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
47	An Thạnh (VSIP) - Rẽ Tân Uyên - Thuận An	4	x	3	Xây mới
48	Bình Mỹ - Rẽ Bình Dương 1 - Sông Mỹ	4	x	3	Xây mới
49	Lai Uyên - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	4	x	1	Xây mới
50	Bắc Tân Uyên - Rẽ Bình Mỹ - Sông Mỹ	2	x	7	Xây mới
51	Sông Mỹ - Tam Phước	2	x	14	Xây mới
52	An Phước - Rẽ Long Bình - Long Thành	4	x	1	Xây mới
53	Tam Phước - Rẽ Long Bình - Long Thành	4	x	1	Xây mới
54	500 kV Long Thành - Rẽ Long Bình - Long Thành	4	x	10	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long Thành
55	500 kV Đồng Nai 2 - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	12	Xây mới
56	Long Khánh - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	1	Xây mới
57	NMĐ Nhơn Trạch 3 - Rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái	2	x	10	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3; thay thế cho ĐD NMĐ Nhơn Trạch 3 - Cát Lái (chuyển đấu nối đi Thủ Đức) do khó khăn về hướng tuyến xây dựng ĐD
58	NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	2	x	44	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3
59	KCN Nhơn Trạch - Rẽ NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	4	x	3	Xây mới, đồng bộ trạm 220 kV KCN Nhơn Trạch. Trường hợp NMĐ Nhơn Trạch 3 chậm tiến độ, xem xét xây dựng trước ĐD 220 kV KCN Nhơn Trạch - Long Thành
60	Nâng khả năng tải Sông Mỹ - Long Bình (mạch 1)	1	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải
61	Nâng khả năng tải Sông Mỹ - Long Bình (mạch 2)	1	x	25	Cải tạo nâng khả năng tải
62	Thống Nhất - Rẽ Bảo Lộc - Sông Mỹ	4	x	2	Xây mới
63	Nâng khả năng tải Tân Định - Bình Hòa	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải
64	TĐ Trị An mở rộng - TĐ Trị An	2	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Trị An mở rộng
65	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Tân Thành	2	x	11	Cải tạo, nâng khả năng tải
66	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Long Thành	2	x	25	Cải tạo, nâng khả năng tải
67	KCN Phú Mỹ 3 - Rẽ Tân Thành - Châu Đức	4	x	1	Xây mới
68	500 kV Bắc Châu Đức - Rẽ Châu Đức - Tân Thành	4	x	10	Xây mới
69	Phú Mỹ - Tân Thành mạch 3,4 và chuyển đầu	2	x	10	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
	nối tại TBA 220 kV Tân Thành				
70	Phước Thuận (Đất Đỏ) - Rẽ Phan Thiết - Tân Thành và Hàm Tân - Tân Thành	4	x	6	Xây mới
71	Long Sơn - Rẽ Châu Đức - KCN Phú Mỹ 3	2	x	8	Xây mới, xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện DD 220 kV Châu Đức KCN Phú Mỹ 3 sau khi cải tạo (GD 2026-2030)
72	Nâng khả năng tải Tân Thành - Vũng Tàu	2	x	30	Cải tạo nâng khả năng tải
73	Bến Lức - Rẽ Phú Lâm - Long An (rẽ mạch 2)	2	x	1	Xây mới
74	Nâng khả năng tải Long An - Bến Lức	2	x	14	Cải tạo nâng khả năng tải
75	Gò Công - Cần Đước	2	x	27	Xây mới
76	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Long An (mạch 2)	2	x	20	Đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp trên mạch còn lại của DD 220 kV Phú Lâm - 500 kV Long An
77	Đức Hòa 2 - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Đức Hòa 1	4	x	10	Xây mới
78	Đức Hòa 3 đầu nối chuyển tiếp trên DD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Rẽ Phú Lâm - Long An	4	x	6	Xây mới
79	Treo dây mạch 3,4 DD 220kV Đức Hòa 500kV - Đức Hòa 1	2	x	25	Xem xét chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Tây Bắc Củ Chi
80	500 kV Long An - Rẽ Cần Đước - Phú Mỹ	4	x	1	Xây mới
81	500 kV Thốt Nốt - Lấp Vò	2	x	22	Xây mới
82	Hồng Ngự - Châu Đốc	2	x	40	Xây mới
83	Sa Đéc - Rẽ Ô Môn - Vĩnh Long (mạch 2)	2	x	1	Đầu nối trạm 220 kV Sa Đéc chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của DD 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long
84	Long Xuyên - Rẽ Châu Đốc - Thốt Nốt (mạch 2)	2	x	1	Đầu nối trạm 220 kV Long Xuyên chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của DD 220 kV Châu Đốc - Thốt Nốt
85	Châu Thành (An Giang) - Rẽ Long Xuyên - Châu Đốc	4	x	2	Xây mới
86	Chợ Mới - Châu Thành (An Giang)	2	x	9	Xây mới
87	Cải tạo DD 220 kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	2	x	75	Cải tạo DD 1 mạch thành 2 mạch, nâng khả năng tải
88	Tân Phước (Cái Bè) - Rẽ 500 kV Mỹ Tho - Long An	4	x	7	Xây mới
89	Mỹ Tho - Rẽ Mỹ Tho 500 kV - Cần Đước (mạch 2)	2	x	4	Đầu nối trạm 220 kV Mỹ Tho chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của DD 220 kV Mỹ Tho - 500 kV Cần Đước

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
90	Cần Đước - Rẽ Phú Mỹ 500 kV - Mỹ Tho (mạch 2)	2	x	5	Đầu nối trạm 220 kV Cần Đước chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Mỹ - 500 kV Mỹ Tho
91	Nâng khả năng tải Mỹ Tho 500 kV - Mỹ Tho - Cần Đước	2	x	55	Cải tạo nâng khả năng tải
92	Vĩnh Long 3 - Rẽ Vĩnh Long 2 - Trà Vinh	4	x	1	Xây mới
93	Bến Tre - Bình Đại (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
94	Thanh Phú - Rẽ ĐG Hải Phong - Mỏ Cây (*)	4	x	3	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp ĐG Hải Phong vào chậm, cần xây dựng trước ĐD mạch kép 220 kV Thanh Phú - Mỏ Cây đồng bộ trạm 220 kV Thanh Phú, ĐG Hải Phong đầu nối về trạm 220 kV Thanh Phú qua mạch kép 220 kV.
95	ĐD 220 kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình mạch 2	2	x	74	Cải tạo ĐD 1 mạch thành 2 mạch
96	An Biên (Vĩnh Thuận) - Rẽ NĐ Cà Mau - Rạch Giá	2	x	17	Xây mới
97	220 kV Duyên Hải - Rẽ 500 kV Duyên Hải - Mỏ Cây	4	x	3	Xây mới
98	Trà Vinh 3- 500 kV Duyên Hải (*)	2	x	3	Xây mới, đồng bộ với trạm 220 kV Trà Vinh 3
99	Cà Mau 3 - Rẽ Cà Mau - Năm Căn (*)	2	x	26	Xây mới, đồng bộ với trạm 220 kV Cà Mau 3
100	Châu Thành (Hậu Giang) - Rẽ Ô Môn - Sóc Trăng	4	x	2	Xây mới
101	Kiên Bình - Phú Quốc	2	x	84	Xây mới
102	Vĩnh Châu - Rẽ Long Phú - Sóc Trăng (mạch 1)	2	x	20	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu, giải tỏa nguồn điện khu vực
103	Cà Mau - Năm Căn	2	x	58	Xây mới
104	Bạc Liêu - Rẽ NĐ Cà Mau - Sóc Trăng (mạch 2)	2	x	5	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực; chuẩn xác tên công trình được duyệt trong Văn bản số 441/TTg-CN ngày 16/4/2020 “ĐD 220 kV mạch kép đầu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD NĐ Cà Mau - Bạc Liêu”
105	Phước Thái - Rẽ Vĩnh Tân - Tháp Chàm (mạch 2)	2	x	3	Đầu nối trạm 220 kV Phước Thái chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm, giải tỏa nguồn điện khu vực
106	ĐG Đức Trọng - Rẽ Đa Nhim - Đức Trọng (*)	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMDG Đức Trọng. Vị trí và phương án đầu nối điều chỉnh của NMDG Đức Trọng được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4777/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số 6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số 835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Vượt

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
					hành đồng bộ với ĐD 220 kV trạm cắt Đa Nhím - Đức Trọng - Di Linh.
107	ĐG Phước Hữu - 220 kV Ninh Phước (*)	1	x	2	Xây mới, đấu nối ĐG Phước Hữu, thay cho ĐD 110 kV ĐG Phước Hữu - 110 kV Ninh Phước đã được phê duyệt tại Quyết định số 3768/QĐ-BCT ngày 27/07/2011 do lưới điện 110 kV không có khả năng giải tỏa. Trạm nâng áp 220 kV ĐG Phước Hữu có công suất 63MVA
108	ĐG số 5 Ninh Thuận - Ninh Phước	2	x	2	Xây mới, đồng bộ ĐG số 5 Ninh Thuận
109	ĐG Lạc Hòa 2 - ĐG Hòa Đông 2	1	x	6	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
110	ĐG Bạc Liêu GD3 - Bạc Liêu	2	x	18	Xây mới, đồng bộ ĐG Bạc Liêu GD3, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại QĐ số 209/QĐ-TTg ngày 09/02/2018
111	Hòa Bình - Rẽ Giá Rai - Bạc Liêu	2	x	13	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu) chuyển tiếp ĐD 220 kV Giá Rai - Bạc Liêu, giải tỏa nguồn điện khu vực
112	Hòa Bình đấu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV đấu nối ĐG Hòa Bình 5	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu), giải tỏa nguồn điện khu vực
113	ĐG Viên An - Năm Căn	1	x	20	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
114	Cụm ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau	2	x	52	Xây mới, đồng bộ Cụm ĐG Cà Mau 1
115	ĐG Long Mỹ 1 - Rẽ NĐ Cà Mau - Ô Môn	2	x	1	Xây mới, đồng bộ ĐG Long Mỹ 1
116	ĐG số 19 Bến Tre - Bình Đại	2	x	12	Xây mới, đồng bộ ĐG số 19 Bến Tre, giải tỏa công suất ĐG số 19 Bến Tre, ĐG số 20 Bến Tre. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG số 19 Bến Tre - Bến Tre dài khoảng 50km do khó mở rộng ngăn lộ tại trạm 220 kV Bến Tre.
117	ĐG Hải Phong - Mỏ Cày	2	x	50	Xây mới, đồng bộ ĐG Hải Phong, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
118	ĐG Đông Hải 1 - ĐMT Trung Nam Trà Vinh	1	x	7	Xây mới, đồng bộ ĐG Đông Hải 1, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
119	ĐG Đông Thành 1 - 500 kV Duyên Hải	2	x	4	Xây mới, đồng bộ ĐG Đông Thành 1, giải tỏa công suất ĐG Đông Thành 1, ĐG Đông Thành 2. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG Đông Thành 1 - Rẽ Đông Hải 1 - 500 kV Duyên Hải để tránh quá tải ĐD 220 kV ĐG Đông Hải 1 - ĐMT Trung Nam Trà Vinh - 500 kV Duyên Hải.
120	ĐG Thăng Long - 220 kV Duyên Hải	1	x	12	Xây mới, đồng bộ ĐG Thăng Long, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
121	ĐG Sóc Trăng 4 - Vĩnh Châu	2	x	5	Xây mới, đồng bộ ĐG Sóc Trăng 4, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
122	ĐG Phú Cường 1A, 1B - Vĩnh châu	2	x	22	Xây mới, đồng bộ ĐG Phú Cường 1A, 1B; phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
123	Tà Năng - rẽ Đức Trọng - Di Linh (mạch xây mới) (*)	2	x	20	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
124	Đông Quán Thê - Rẽ Vĩnh Tân - Trạm cắt 220 kV Quán Thê	2	x	1	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
125	Đông Quán Thê - Cà Ná	1	x	7	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
126	Hồng Phong - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí (*)	2	x	1	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
127	Hàm Cường - Hàm Thuận Nam (*)	2	x	7	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
128	Phong điện 1 Bình Thuận - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Thiết (*)	2	x	4	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
129	500 kV Hồng Phong - Rẽ Phan Rí - Phan Thiết	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm 500kV Hồng Phong
130	TĐ Trĩ An - Sông Mây 500 kV	1	x	24	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo giải tỏa công suất nguồn điện
131	Nâng khả năng tải Phan Rí - Phan Thiết	2	x	52	Cải tạo nâng khả năng tải đoạn tuyến tiết diện ACSR-2x330mm ² hiện có trên ĐD 220 kV Phan Rí - Phan Thiết để giải tỏa nguồn điện khu vực
132	Phan Rí - TĐ Đại Ninh	2	x	40	Xây mới, tăng cường khả năng giải tỏa nguồn điện khu vực
133	Nâng khả năng tải Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức	2	x	60	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
134	500 kV Sơn Mỹ - Rẽ Hàm Tân - Phước Thuận (Đất Đỏ)	4	x	4	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Sơn Mỹ, xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện các ĐD 220 kV Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức sau khi cải tạo
135	Tây Bắc Củ Chi - Củ Chi 500 kV	2	x	12	Xây mới
136	Bình Chánh 1 - Đức Hòa	2	x	10	Xây mới
137	Phú Hòa Đông - Rẽ Củ Chi - Cầu Bông	4	x	5	Xây mới
138	Bình Chánh 2 - Rẽ Đức Hòa - Phú Lâm	4	x	2	Xây mới
139	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Củ Chi	2	x	22	Cải tạo nâng khả năng tải
140	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Bình Tân - Phú Lâm	2	x	34	Cải tạo nâng khả năng tải
141	Đồng Xoài - Chơn Thành	2	x	20	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
142	Bình Long - Chơn Thành (mạch 3, 4)	2	x	32	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
143	Đông Bình Phước - Rẽ Bình Long - Điện phân nhôm (*)	4	x	12	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
144	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Chơn Thành 500 kV - Mỹ Phước	2	x	45	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
145	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Mỹ Phước - Tân Định 500 kV	2	x	17	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
146	Tân Châu 1 - Tân Biên (*)	2	x	16	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
147	500 kV Tây Ninh 2 - Rẽ ĐMT Hồ Dầu Tiếng - Tây Ninh	4	x	3	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
148	500 kV Tây Ninh 2 - Tây Ninh (chuyển đấu nối đi Tân Biên)	2	x	6	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
149	Tây Ninh 3 - 500 kV Tây Ninh 2	2	x	16	Xây mới
150	Bến Cầu - 500 kV Tây Ninh 1	2	x	12	Xây mới
151	Tân Định 2 - Bình Mỹ	2	x	14	Xây mới
152	Biên Hòa - Rẽ Tân Uyên - Long Bình	4	x	1	Xây mới
153	Dầu Giây - 500 kV Đồng Nai 2	2	x	30	Xây mới
154	Dầu Giây - 500 kV Long Thành	2	x	12	Xây mới
155	Đồng Nai 3 - Tân Uyên (*)	2	x	55	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
156	Nâng khả năng tải 220 kV Long Thành - An Phước - Tam Phước	2	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải.
157	Nâng khả năng tải 500 kV Long Thành - 220 kV Long Thành	2	x	19	Cải tạo nâng khả năng tải
158	Hố Nai - Rẽ Sông Mỹ - Tam Phước	4	x	1	Xây mới
159	TP Phú Mỹ - Rẽ Phú Mỹ - Bà Rịa	4	x	2	Xây mới
160	TP Phú Mỹ - Bắc Châu Đức 500 kV	2	x	30	Xây mới
161	Nâng khả năng tải Bến Lức - Phú Lâm	2	x	28	Cải tạo nâng khả năng tải
162	Tân Lập - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Long An	2	x	9	Xây mới
163	Cần Giuộc - Rẽ 500 kV Long An - Nam Hiệp Phước	4	x	3	Xây mới
164	LNG Long An I - 500 kV Long An	2	x	18	Xây mới, đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế

TT	Tên đường dây	Số mạch x km	Ghi chú
			sân phân phối 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái.
165	LNG Long An I - Bến Lức	2 x 30	Xây mới, đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế sân phân phối 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái
166	Lấp Vò - Hồng Ngự	2 x 55	Xây mới
167	500 kV Tiền Giang - Rẽ Vĩnh Long - Sa Đéc	4 x 15	Xây mới
168	500 kV Tiền Giang - Rẽ Cai Lậy - Cao Lãnh	4 x 4	Xây mới
169	Nâng khả năng tải Trà Vinh - Vĩnh Long 2	2 x 62	Cải tạo nâng khả năng tải
170	Bạc Liêu 3 - 500 kV Bạc Liêu (*)	2 x 30	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
171	Bạc Liêu 4 - 500 kV Bạc Liêu (*)	2 x 10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
172	Trần Đề - 500 kV Long Phú	2 x 24	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
173	Mỏ Cây - 500 kV Mỹ Tho (*)	2 x 42	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
174	Vĩnh Châu - Rẽ Long Phú - Sóc Trăng (mạch 2)	2 x 20	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Long Phú - Sóc Trăng
175	500 kV Bạc Liêu - Rẽ Giá Rai - Hòa Bình	4 x 6	Xây mới, đồng bộ trạm 500 kV Bạc Liêu
176	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới	430	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

Ghi chú:

1. Đối với trạm biến áp

- Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Công suất trong bảng là tổng công suất của các máy biến áp của trạm. Trong quá trình thực hiện của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện.

- Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải thay đổi, bổ sung quy mô, kết lưới đường dây và trạm thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai.

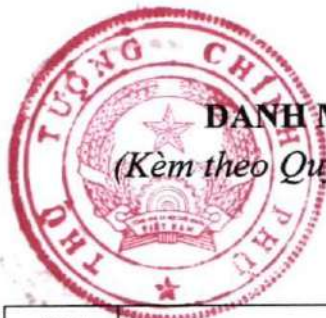
- (*) Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

2. Đối với đường dây

- Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải thay đổi, bổ sung quy mô, kết lưới đường dây và trạm thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai.

- (*) Tiến độ, quy mô của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.



Phụ lục III
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TIỀM NĂNG
(Kèm theo Quyết định số: 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Công suất (MW)
1	TĐ Thái An MR	41
2	TĐ Tuyên Quang MR	120
3	TĐ Trung Sơn MR	130
4	TĐ Srepok 3 MR	110
5	TĐ Sesan 3 MR	130
6	TĐ Sesan 4 MR	120
7	TĐ Buôn Kuốp MR	140
8	TĐ Vĩnh Sơn MR	40
9	TĐ Sông Hình MR	70
10	TĐ Sông Ba Hạ MR	60
11	TĐ Đa Nhim MR 2	80
12	TĐ Đăk R'lấp 1 (*)	53
13	TĐ Đăk R'lấp 2 (*)	68
14	TĐ Đăk R'lấp 3 (*)	82

Ghi chú:

- Các dự án sẽ được xem xét trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch và sau này.
- Các dự án thủy điện cột nước thấp trên dòng chính sông Hồng, sông Cà, sông Đồng Nai và các dòng sông khác do các địa phương (Lào Cai, Yên Bái, Nghệ An, Bình Phước, Lâm Đồng, Đắk Nông, ...) đề xuất sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng toàn diện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai nếu đảm bảo các yêu cầu về kinh tế - kỹ thuật, môi trường, dân cư, hạ tầng dọc sông, tưới tiêu, giao thông thủy - bộ,...
- Các dự án thủy điện mở rộng khác do các địa phương đề xuất sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng về hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường, nhu cầu hệ thống, thời điểm xuất hiện, ... để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
- (*) Các dự án thủy điện Đăk R'lấp 1, Đăk R'lấp 2 và Đăk R'lấp 3 phải được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đất đai, ảnh hưởng đến rừng của dự án.



Phụ lục IV

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI XEM XÉT SAU NĂM 2030
ĐƯỢC TRIỂN KHAI TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH NẾU THỰC HIỆN
THEO HÌNH THỨC TỰ SẢN, TỰ TIÊU)**

*(Kèm theo Quyết định số: 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của
Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Dự án	Tỉnh	Công suất chưa vận hành (MW)
1	ĐMT An Cư	An Giang	40
2	ĐMT Hồng Liêm 6.1	Bình Thuận	40
3	ĐMT Ayun Pa	Gia Lai	20
4	ĐMT Ninh Sim	Khánh Hòa	32
5	ĐMT Ia Rsum - Bitexco - TôNa	Gia Lai	11,84
6	ĐMT Đầm An Khê	Quảng Ngãi	40
7	ĐMT Đầm Nước Mặn	Quảng Ngãi	40
8	Lộc Thạnh 1-1	Bình Phước	40
9	ĐMT Hải Lý Bình Phước 1	Bình Phước	40
10	Sông Bình	Bình Thuận	200
11	ĐMT Tân Xuân	Bình Thuận	23,61
12	ĐMT Easup 1	Đắk Lắk	40
13	ĐMT Ia Lốp 1	Đắk Lắk	40
14	KN Buôn Tua Srah	Đắk Nông	312
15	Cư Knia	Đắk Nông	144
16	Ea Tling	Đắk Nông	76
17	Xuyên Hà	Đắk Nông	104
18	ĐMT nổi KN Trị An	Đồng Nai	928
19	Trị An	Đồng Nai	101
20	ĐMT Phước Trung	Ninh Thuận	40
21	ĐMT Phước Hữu 2	Ninh Thuận	184
22	ĐMT Xanh Sông Cầu	Phú Yên	150
23	ĐMT hồ Khe Gỗ	Nghệ An	200
24	ĐMT nổi hồ Vực Mầu	Nghệ An	160
25	ĐMT Tam Bồ	Lâm Đồng	40
26	Phong Hòa	Thừa Thiên Huế	40
27	Phần còn lại dự án Dầu Tiếng	Tây Ninh	1050
	Tổng công suất		4.136,25